

Bản án số: 91/2021/DS-ST

Ngày 31 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2021/TLST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Chí T, sinh năm 1996 – Chủ hộ kinh doanh Thành C; cư trú tại: Khóm 2, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Danh Như N, sinh năm 1997; cư trú tại: Số 20 ấp BĐ, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt – Theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2020).

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Bích L, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp XR, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Huỳnh Chí T trình bày:* Trước đây ông Trần Tấn M là chủ hộ kinh doanh Thành C nay ông M đã chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ kinh doanh Thành C sang cho ông Huỳnh Chí T theo văn bản thỏa thuận ngày 10/6/2020. Ông Lê Văn T và bà Trần Bích L thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó hộ kinh doanh Thành C bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông T để ông T, bà L nuôi tôm, cuối vụ vợ chồng ông T phải thanh toán công nợ cho hộ kinh Doanh Thành C. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T không trả tiền theo thỏa thuận. Theo bảng đối chiếu công nợ ngày 02/11/2019 ông T và bà L còn nợ hộ kinh doanh Thành C số tiền 181.236.000 đồng. Nay hộ kinh doanh Thành C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà L phải liên đới trả cho hộ kinh doanh Thành C tổng số tiền là 205.955.000 đồng (trong đó tiền

nợ 181.236.000 đồng và lãi suất từ tính từ ngày 02/11/2019 đến ngày 15/3/2021 là: 181.236.000 đồng x 0,83% x 16 tháng 13 ngày = 24.719.000 đồng) và lãi suất từ tính từ ngày 15/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Đối với bị đơn:*

- Ông Lê Văn T trình bày: Ông xác định lời trình bày của nguyên đơn là đúng, ông T lấy thức ăn nuôi tôm của hộ kinh doanh Thành C vào tháng 01/2018. Quá trình lấy thức ăn hai bên thỏa thuận bằng lời nói, mỗi lần lấy thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản thì ông ký tên vào sổ theo dõi của ông T, cuối vụ nuôi tôm thả chân trắng thì trả nợ cho ông T. Ông và bà L có nợ hộ kinh doanh Thành C số tiền 181.236.000 đồng là đúng. Phần nợ này là nợ chung của ông và bà L, việc nuôi tôm dùng để chi phí sinh hoạt chung trong gia đình nhưng nay nợ nhiều người nên bà L đi làm trả nợ. Nay qua yêu cầu của nguyên đơn ông và bà L đồng ý trả cho Hộ kinh doanh Thành C số tiền 181.236.000 đồng nhưng xin không trả lãi suất.

- Bà Trần Bích L: Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Danh Như N, ông Lê Văn T có đơn xin vắng mặt, bà Trần Bích L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Thấy rằng quan hệ mua bán thuốc và thức ăn thủy sản giữa Hộ kinh doanh Thành C nay do anh Huỳnh Chí T làm đại diện với ông Lê Văn T, bà Trần Bích L là thực tế có xảy ra, được thể hiện tại hợp đồng mua bán ngày 13/7/2019 giữa ông Lê Văn T với hộ kinh doanh Thành C. Tại bảng đối chiếu công nợ 02/11/2019 cũng thể hiện ông T còn nợ hộ kinh doanh Thành C số tiền 181.236.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền của hợp đồng mua bán T sản: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Tại thời điểm giao dịch hợp đồng mua bán T sản giữa Hộ kinh doanh Thành C với ông T nhằm mục đích để sử dụng sinh hoạt kinh tế chung trong gia đình. Mặt khác, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L hợp lệ nhưng bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, buộc ông T và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ trên cho anh T là phù hợp.

Đối với lãi suất: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu lãi suất nhưng quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần lãi suất.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 430 và điều 440, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Chí T về việc yêu cầu ông Lê Văn T và bà Trần Bích L phải trả cho anh Huỳnh Chí T số tiền lãi là 24.719.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/3/2021 đến ngày xét xử.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Chí T. Buộc ông Lê Văn T và bà Trần Bích L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho anh Huỳnh Chí T số tiền 181.236.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Huỳnh Chí T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng ông Lê Văn T và bà Trần Bích L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Huỳnh Chí T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh T (hộ kinh doanh Thành C) 5.149.000 đồng (năm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011564 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Lê Văn T và bà Trần Bích L phải chịu 9.061.800 đồng (chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

